

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DUỆC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 từ trang 06 đến trang 41 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Green Herbs Investment Joint Stock Company, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 02 năm 2018. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, chia thành 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thực phẩm chức năng.
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Huây	Thành viên
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Khánh Vinh	Trưởng ban
Ông Trần Công Lộc	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Ngọc.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Đức Thành.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài sự kiện được nêu tại mục 9d của Thuyết minh Báo cáo tài chính về việc thu hồi khoản tạm ứng thực hiện dự án theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/BBH/HĐQT-2020 ngày 04/05/2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không còn sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành
Tổng Giám đốc

Bến Tre, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Số: 031 /2020/UHYHCM-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 06 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 3558-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.590.477.979	57.328.535.421
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	5.889.676.307	4.547.829.184
Tiền	111		5.889.676.307	4.547.829.184
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		790.400.000	-
Chứng khoán kinh doanh	121	14	898.593.600	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh	122		(108.193.600)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.810.959.420	43.712.590.343
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	5.139.065.189	8.556.498.954
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.522.032.092	2.841.285.866
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	48.200.893.639	32.365.602.573
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(51.031.500)	(50.797.050)
Hàng tồn kho	140	10	7.873.727.887	6.206.692.718
Hàng tồn kho	141		7.873.727.887	6.206.692.718
Tài sản ngắn hạn khác	150		225.714.366	2.861.423.176
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	172.584.754	723.180.127
Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.129.612	2.137.243.049
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	1.000.000	1.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.613.036.427	107.781.996.438
Các khoản phải thu dài hạn	210		828.250.000	616.250.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	828.250.000	616.250.000
Tài sản cố định	220		19.374.551.695	20.465.710.495
Tài sản cố định hữu hình	221	11	16.526.953.131	17.558.115.771
- Nguyên giá	222		19.677.001.455	19.677.001.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.150.048.324)	(2.118.885.684)
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.847.598.564	2.907.594.724
- Nguyên giá	228		2.999.808.000	2.999.808.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(152.209.436)	(92.213.276)
Bất động sản đầu tư	230	13	41.284.583.340	41.839.833.336
- Nguyên giá	231		42.210.000.000	42.210.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(925.416.660)	(370.166.664)
Tài sản dở dang dài hạn	240	14	6.224.211	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.224.211	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	23.157.160.000	20.488.880.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		23.157.160.000	20.488.880.000
Tài sản dài hạn khác	260		7.962.267.181	24.371.322.607
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	7.765.384.820	24.102.846.660
Lợi thế thương mại	269		196.882.361	268.475.947
TỔNG TÀI SẢN	270		163.203.514.407	165.110.531.859

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		23.259.871.796	28.876.097.888
Nợ ngắn hạn	310		4.773.131.796	8.049.017.888
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	91.440.439	251.913.088
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	103.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.719.867.457	748.836.400
Phải trả người lao động	314		101.741.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	57.729.547	259.991.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		21.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	67.113.353	61.848.600
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	2.714.240.000	6.623.428.800
Nợ dài hạn	330		18.486.740.000	20.827.080.000
Phải trả dài hạn khác	337	20	450.900.000	77.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	18.035.840.000	20.750.080.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		139.943.642.611	136.234.433.971
Vốn chủ sở hữu	410	22	139.943.642.611	136.234.433.971
Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.753.153.718	4.116.402.022
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.116.402.022	1.796.212.042
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.636.751.696	2.320.189.980
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	429		12.190.488.892	12.118.031.950
TỔNG NGUỒN VỐN	440		163.203.514.407	165.110.531.859

Bến Tre, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	66.023.164.671	21.170.660.859
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	-	1.503.400.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.023.164.671	19.667.260.859
Giá vốn hàng bán	11	25	52.599.862.139	6.979.368.061
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.423.302.532	12.687.892.798
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	4.176.193.236	25.246.245
Chi phí tài chính	22	27	2.891.392.495	1.311.646.987
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.592.973.128	1.284.326.471
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	28	2.808.098.125	2.742.889.962
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	6.673.183.191	5.707.002.033
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.226.821.957	2.951.600.061
Thu nhập khác	31	29	195.052.167	240.000.000
Chi phí khác	32	30	609.998.237	133.484.418
Lợi nhuận khác	40		(414.946.070)	106.515.582
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.811.875.887	3.058.115.643
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	1.102.667.248	614.019.235
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.709.208.639	2.444.096.408
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		3.636.751.696	2.320.189.980
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		72.456.943	123.906.428
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	303	200
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	303	200

Bến Tre, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Việt

Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		4.811.875.887	3.058.115.643
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.718.002.382	1.768.481.542
Các khoản dự phòng	03		108.428.050	25.281.300
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(4.176.193.236)	(7.513.124)
Chi phí lãi vay	06		2.783.198.895	1.284.326.471
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.245.311.978	6.128.691.832
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.105.169.910	24.931.242.536
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.667.035.168)	(2.771.319.629)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		120.264.184	18.331.559
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		16.888.057.213	218.592.324
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(898.593.600)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.758.469.348)	(1.284.326.471)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(601.118.271)	(357.685.473)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.433.586.898	26.883.526.678
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.224.211)	(42.242.500.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(17.126.780.000)	(20.488.880.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.660.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.693.236	7.513.124
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.468.310.975)	(62.723.866.876)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	10.030.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		33.534.526.038	32.366.549.675
Tiền trả nợ gốc vay	34		(40.157.954.838)	(4.993.040.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.623.428.800)	37.403.508.800

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.341.847.123	1.563.168.602
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6	4.547.829.184	2.984.660.582
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6	5.889.676.307	4.547.829.184

Bến Tre, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Green Herbs Investment Joint Stock Company, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, chia thành 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Công ty có các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Nguyễn Văn Linh)	13C Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	Buôn bán thực phẩm chức năng
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Madagui)	Khu du lịch rừng Madagui, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, Huyện Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng	Buôn bán thực phẩm chức năng
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Bình Châu)	Quốc lộ 55, Xã Bình Châu, Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu	Buôn bán thực phẩm chức năng
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Hà Nội)	41 Vạn Bảo, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội.	Buôn bán thực phẩm chức năng
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh An Giang)	241 Trưng Nữ Vương nối dài, Phường Châu Phú B, Châu Đốc, An Giang	Buôn bán thực phẩm chức năng

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại: kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng, kinh doanh bất động sản.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thực phẩm chức năng.
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty chủ yếu là kinh doanh thực phẩm chức năng, kinh doanh bất động sản. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục trong tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp thực phẩm chức năng. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.6 CÁC CÔNG TY ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty con: là đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các đơn vị này hoạt động theo Luật doanh nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Các Công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	394/1 Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q. 12, TP HCM	Sản xuất, bán buôn, bán lẻ cây nấm.	60%	60%

Công ty liên doanh, liên kết: là đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, Công ty không có quyền hoặc không chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các đơn vị này hoạt động theo Luật doanh nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Không có Công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Năm kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài. Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác. Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư góp vốn khác khi Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vốn vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc thiết bị	10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10

5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao 50 năm theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ HAO MÒN

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Trong quá trình cho thuê hoạt động phải tiến hành trích khấu hao bất động sản đầu tư và ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ (kể cả trong thời gian ngừng cho thuê). Công ty thực hiện trích khấu hao theo tài sản cố định hữu hình cùng loại.

5.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí quảng cáo, thiết kế, xét nghiệm và công bố chất lượng sản phẩm, phí dịch vụ in ấn, chi phí phần mềm máy tính,...các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí thuê 45 sạp tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, phân bổ theo thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053. Trong năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng 30 sạp cho bên thứ ba, do đó, chi phí chờ phân bổ tại ngày 31/12/2019 là chi phí thuê của 15 sạp tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức và tiếp tục được phân bổ theo thời gian như trên.

5.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

5.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH, GIÁ VỐN

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH, GIÁ VỐN (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

5.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5.14 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào và bán ra chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hoặc tỷ giá của Ngân hàng nơi doanh nghiệp giao dịch thường xuyên nhất.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bến Tre, Lâm Đồng và Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Khoản mục không được phân bổ là chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp.

5.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	150.571.640	102.354.553
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.905.104.667	4.445.474.631
Tiền đang chuyển	834.000.000	-
Cộng	5.889.676.307	4.547.829.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.139.065.189	8.556.498.954
- Bà Lâm Thị Bích Trâm	1.376.876.388	2.627.002.298
- Ông Đào Quốc Việt	1.321.559.500	2.776.500.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	1.775.426.800	1.319.800.000
- Công ty TNHH Dược Phẩm Giai Cảnh	-	675.820.932
- Công ty TNHH Dược phẩm Fitopharma	51.031.500	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	614.171.001	1.157.375.724
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	81.805.200	640.728.024
<i>(chi tiết được thuyết minh tại mục 36.5)</i>		

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.522.032.092	2.841.285.866
- Bà Nguyễn Thị Minh Tấn	250.000.000	365.840.000
- Cá nhân trồng và bán nấm Linh Chi	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty XD Ngân Tháp	700.000.000	500.000.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	72.032.092	475.445.866
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	48.200.893.639	-	32.365.602.573	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	33.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	36.367.151.377	-	21.505.353.448	-
+ Ông Lê Đình Phong (a)	-	-	19.000.000.000	-
+ Ông Phạm Văn Sơn (b)	19.450.000.000	-	-	-
+ Bà Nguyễn Đặng Kiều Đông (c)	15.970.000.000	-	-	-
+ Ông Nguyễn Minh Cường	-	-	1.080.000.000	-
+ Ginseng And Herb Co-op	766.262.488	-	1.285.404.787	-
+ Phải thu ngắn hạn khác	180.888.889	-	139.948.661	-
- Tạm ứng	11.832.738.574	-	10.823.780.000	-
+ Ông Cổ Đức Trọng (d)	11.350.000.000	-	10.823.780.000	-
+ Cá nhân khác	482.738.574	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	1.003.688	-	3.469.125	-
Dài hạn	828.250.000	-	616.250.000	-
- Ký cược, ký quỹ	718.250.000	-	506.250.000	-
- Công ty TNHH Năm Sạch (e)	110.000.000	-	110.000.000	-
Cộng	49.029.143.639	-	32.981.852.573	-

(a) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 06/2018/TDX/BBH-HDQT ngày 28/06/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh thông qua chủ trương tiếp tục đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Căn Nhà Mơ Ước Cửu Long nhằm nâng tỷ lệ sở hữu, và giao cho Ông Lê Đình Phong để thực hiện việc thu mua, thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho Công ty. Năm 2019, Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẬP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(b) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 34B/2019/TDX/BBH-HĐQT ngày 01/11/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh đã thông qua chủ trương thực hiện nhận chuyển nhượng dự án nông nghiệp Công nghệ Cao Cù Chi của Công ty CP Vườn Mơ và giao cho Ông Đặng Đức Thành - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty đứng ra thực hiện. Đồng thời, theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 35/2019/TDX/BBH-HĐQT ngày 5/11/2019 và Quyết định số 36/2019/TDX/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã giao lại cho Ông Phạm Văn Sơn đứng ra tạm ứng vốn và thực hiện các thủ tục chuyển nhượng dự án, với thời gian hoàn thành là 09 tháng kể từ ngày 5/11/2019, Ông Đặng Đức Thành Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết chịu trách nhiệm và bảo lãnh khoản tạm ứng cho Ông Phạm Văn Sơn. Dự án này được thực hiện theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nguyên tắc số 41/2019/HĐCNCPNT ngày 02/11/2019 với tổng giá trị 30.000.000.000 đồng, hợp đồng này Công ty đã ký với Ông Phan Tấn Dũng để thu gom 100% cổ phần Công ty CP Vườn Mơ, tương ứng với 3.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

(c) Đây là số dư phải thu liên quan đến Hợp đồng mua bán cổ phiếu số 40/HĐMBCP-2019 ngày 02/11/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh với Bà Nguyễn Đặng Kiều Đông về việc Công ty chuyển nhượng 1.350.000 cổ phiếu Công ty CP Căn Nhà Mơ Ước Cửu Long, đơn giá chuyển nhượng là 13.800 đồng với tổng giá trị chuyển nhượng là 18.630.000.000 đồng. Trong năm 2020, Công ty đã thu toàn bộ số dư công nợ phải thu này.

(d) Đây là giá trị khoản tạm ứng thực hiện dự án nghiên cứu phát triển mô trồng nấm. Căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/BBH/HĐQT-2020 ngày 04/05/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Linh Chi Vi Na đã quyết định ngừng thực hiện dự án trại nấm tại Khu nông nghiệp Công nghệ cao Tp.HCM và đến ngày 10/06/2020 Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản tạm ứng này.

(e) Đây là giá trị của khoản hợp tác kinh doanh thực hiện dự án trồng nấm với Công ty TNHH Năm Sạch theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ngày 12/05/2016, lợi nhuận sẽ được phân chia theo kết quả kinh doanh.

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	88	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	32.036.203	-	3.502.488	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.570.060.228	-	33.613.737	-
Thành phẩm	2.148.247.129	-	2.549.591.612	-
Hàng hóa	3.496.908.469	-	2.966.663.823	-
Hàng gửi bán	128.925.769	-	653.321.058	-
Cộng	7.873.727.887	-	6.206.692.718	-

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2019	18.014.500.000	400.000.000	1.262.501.455	19.677.001.455
- Mua trong năm	-	-	-	-
Tại 31/12/2019	18.014.500.000	400.000.000	1.262.501.455	19.677.001.455
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2019	(1.483.208.328)	(53.333.328)	(582.344.028)	(2.118.885.684)
- Khấu hao trong năm	(864.912.504)	(39.999.996)	(126.250.140)	(1.031.162.640)
Tại 31/12/2019	(2.348.120.832)	(93.333.324)	(708.594.168)	(3.150.048.324)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2019	16.531.291.672	346.666.672	680.157.427	17.558.115.771
Tại 31/12/2019	15.666.379.168	306.666.676	553.907.287	16.526.953.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

(*) Tài sản cố định hữu hình là Shop House T1.09 và T1.10 Lô AB Chung cư Aview thuộc Khu dân cư 13C Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty nhận chuyển nhượng từ Bà Lâm Thị Diệu Hương và Ông Đặng Đức Thành.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 0 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 6.260.312.500 đồng.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2019	2.999.808.000	2.999.808.000
Tại 31/12/2019	2.999.808.000	2.999.808.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2019	(92.213.276)	(92.213.276)
- Khấu hao trong năm	(59.996.160)	(59.996.160)
Tại 31/12/2019	(152.209.436)	(152.209.436)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2019	2.907.594.724	2.907.594.724
Tại 31/12/2019	2.847.598.564	2.847.598.564

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng 9.374,4 m² đất thuê trả tiền một lần tại thửa số 653 tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre trong 50 năm tính từ ngày 19/06/2017 theo hợp đồng thuê đất số 49/HĐTĐ ngày 10/07/2017 giữa Công ty với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 0 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 2.847.598.564 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tại 01/01/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại 31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	42.210.000.000	-	-	42.210.000.000
- Quyền sử dụng đất	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
- Cơ sở hạ tầng	22.210.000.000	-	-	22.210.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	(370.166.664)	(555.249.996)	-	(925.416.660)
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	(370.166.664)	(555.249.996)	-	(925.416.660)
Giá trị còn lại	41.839.833.336	(555.249.996)	-	41.284.583.340
- Quyền sử dụng đất	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
- Cơ sở hạ tầng	21.839.833.336	(555.249.996)	-	21.284.583.340

b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng thửa đất số 478, tờ bản đồ số 9, diện tích đất là 5.510,1 m² tại Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng với hình thức sử dụng đất chung, thời hạn sử dụng đất là lâu dài và tầng 2 (thương mại dịch vụ) Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián tại số 72 Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng với diện tích sàn là 1664,1 m². Công ty mua những tài sản này với mục đích cho thuê.

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 41.284.583.340 đồng.

14. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	6.224.211	-
+ Chi phí xây dựng nhà máy sản xuất thực phẩm chức năng tại Bến Tre	6.224.211	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	172.584.754	723.180.127
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	32.706.421	193.385.601
- Phí bảo hiểm hỏa hoạn	22.539.772	101.755.302
- Chi phí truyền thông, quảng cáo	8.018.941	178.689.872
- Các khoản khác	109.319.620	249.349.352
Dài hạn	7.765.384.820	24.102.846.660
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	78.442.315	126.598.260
- Chi phí truyền thông, quảng cáo	30.303.033	84.174.027
- Chi phí thuê sạp chợ (*)	7.492.030.178	23.580.862.831
- Các khoản khác	164.609.294	311.211.542
Cộng	7.937.969.574	24.826.026.787

(*) Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty CP Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức thuê 45 ô vừa có tổng diện tích 488,30 m² tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053. Trong năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng 30 quyền thuê ô vừa với tổng diện tích 303 m². Tại thời điểm 31/12/2019, số dư chi phí trả trước tương ứng với 15 ô vừa với tổng diện tích là 185,30 m².

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẬP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Chứng khoán kinh doanh	898.593.600	790.400.000	(108.193.600)	-	-	-
Tổng giá trị cổ phiếu	898.593.600	790.400.000	(108.193.600)	-	-	-
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Có phần Quân Đội (*)	898.593.600	790.400.000	(108.193.600)	-	-	-

Tại 31/12/2019, Công ty đang nắm giữ 38.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội, chiếm tỷ lệ sở hữu 0,0016%.

Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội là 20.800 đồng/Cổ phiếu.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23.157.160.000	22.129.925.357	-	20.488.880.000	19.994.242.751	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	23.157.160.000	22.129.925.357	-	20.488.880.000	19.994.242.751	-
+ Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long (*)	23.157.160.000	22.129.925.357	-	20.488.880.000	19.994.242.751	-

(*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 19,65% tương ứng với 2.161.980 cổ phần phổ thông. Giá trị hợp lý được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long chưa được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	91.440.439	91.440.439	251.913.088	251.913.088
- Công ty TNHH Ngọc Tháp Cầu	-	-	55.000.000	55.000.000
- Báo Sài Gòn Giải Phóng	19.995.000	19.995.000	72.545.000	72.545.000
- Các khoản phải trả người bán khác	71.445.439	71.445.439	124.368.088	124.368.088
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2019		Số đã thực nộp trong năm		Tại 31/12/2019	
	VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp						
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	84.877.278	583.572.426	157.863.300	157.863.300	510.586.404	
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	141.779.210	141.779.210	141.779.210	-	
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	592.291.615	1.102.667.248	601.118.271	601.118.271	1.093.840.592	
- Thuế thu nhập cá nhân	71.667.507	323.163.886	279.390.932	279.390.932	115.440.461	
Cộng	748.836.400	2.151.182.770	1.180.151.713	1.180.151.713	1.719.867.457	
Thuế và các khoản phải thu						
- Các loại thuế khác	1.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	1.000.000	
Cộng	1.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	1.000.000	

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	57.729.547	259.991.000
- Chi phí lương tháng 13	-	226.991.000
- Các khoản trích trước khác	57.729.547	33.000.000
Dài hạn	-	-
Cộng	57.729.547	259.991.000

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	67.113.353	67.113.353	61.848.600	61.848.600
- Kinh phí công đoàn	7.520.544	7.520.544	-	-
- Bảo hiểm xã hội	201.809	201.809	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	55.000.000	55.000.000	55.000.000	55.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.391.000	4.391.000	6.848.600	6.848.600
Dài hạn	450.900.000	450.900.000	77.000.000	77.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	450.900.000	450.900.000	77.000.000	77.000.000
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Cộng	518.013.353	518.013.353	138.848.600	138.848.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2019		Trong năm		Tại 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	2.714.240.000	2.714.240.000	36.248.766.038	40.157.954.838	6.623.428.800	6.623.428.800
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (*)	-	-	33.534.526.038	37.443.714.838	3.909.188.800	3.909.188.800
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (**)	2.714.240.000	2.714.240.000	2.714.240.000	2.714.240.000	2.714.240.000	2.714.240.000
b) Vay dài hạn	18.035.840.000	18.035.840.000	-	2.714.240.000	20.750.080.000	20.750.080.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (**)	18.035.840.000	18.035.840.000	-	2.714.240.000	20.750.080.000	20.750.080.000
Cộng	20.750.080.000	20.750.080.000	36.248.766.038	42.872.194.838	27.373.508.800	27.373.508.800

(*) Là Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 391B18 ngày 30/10/2018, đã tất toán trong năm 2019. Chi tiết như sau:

- Tổng hạn mức cho vay: 12.000.000.000 đồng;
- Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;
- Thời gian cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua được phẩm, vật tư y tế và các chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ khác phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Tài sản thế chấp theo các hợp đồng sau:
 - + Hợp đồng thế chấp số 621/NHNT-KH/TC/17 ngày 04/01/2018: Quyền sử dụng đất thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre;
 - + Hợp đồng thế chấp số 376/NHNT-KH/TC/18 ngày 30/10/2018: tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ 45 Hợp đồng thuê dài hạn địa điểm kinh doanh ở vừa trong nhà lồng Chợ A thuộc Chợ đầu mối Nông sản thực phẩm Thủ Đức, Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh và Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức ngày 01/08/2017;
 - + Hợp đồng thế chấp số 111/NHNT-KH/TC/18 ngày 28/03/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Avview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- + Hợp đồng thế chấp số 218/NHNT-KH/TC/18 ngày 18/06/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tầng 2 (thương mại dịch vụ) Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bà Thạc Giác, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Giác, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng;
- + Ngoài ra nghĩa vụ của Công ty đối với hợp đồng cấp tín dụng nêu trên còn có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Ngân hàng với Công ty và/hoặc với bên thứ ba trước và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

(**) Bao gồm hai hợp đồng cho vay theo hạn mức sau:

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 070C18 tháng 03/2018:

- Tổng số tiền cho vay tối đa: 5.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay;
- Phương thức cho vay: từng lần;
- Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán tiền mua căn hộ 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng và cửa hàng công ty;
- Lãi suất cho vay: lãi suất cố định trong vòng 02 năm kể từ ngày nhận nợ (lãi suất cố định này sẽ được xác định tại thời điểm nhận nợ đầu tiên theo thông báo của HSC), sau thời gian này lãi suất là thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây từng thời kỳ;
- Tài sản thế chấp theo các hợp đồng sau:
 - + Hợp đồng số 111/NHNT-KH/TC/18 tháng 03/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh;
 - + Ngoài ra nghĩa vụ của Công ty đối với hợp đồng cấp tín dụng nêu trên còn có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Ngân hàng với Công ty và/hoặc với bên thứ ba trước và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 158C18 tháng 06/2018:

- Tổng số tiền cho vay tối đa: 20.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
- Phương thức cho vay: từng lần;
- Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc nhận chuyển nhượng tầng 2 - khu chung cư thương mại cao cấp Bà Thạc Giác, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Giác, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng theo hợp đồng mua bán chung cư thương mại công chứng số 1579 ngày 11/04/2018 giữa bà Nguyễn Hồng Thủy và Công ty Cổ phần Đầu tư Tháo Dược Xanh;
- Lãi suất cho vay: lãi suất cố định trong vòng 02 năm kể từ ngày nhận nợ (lãi suất cố định này sẽ được xác định tại thời điểm nhận nợ đầu tiên theo thông báo của HSC), sau thời gian này lãi suất là thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây theo từng thời kỳ;

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Tài sản thế chấp theo các hợp đồng sau:
- + Hợp đồng số 621/NHNT-KH/TC/17 ngày 04/01/2018: Quyền sử dụng đất thừa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre;
- + Hợp đồng thế chấp số 111/NHNT-KH/TC/18 tháng 03/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh;
- + Hợp đồng thế chấp số 218/NHNT-KH/TC/18 ngày 18/06/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tầng 2 (thương mại dịch vụ) Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng;
- + Ngoài ra, nghĩa vụ của Công ty đối với hợp đồng cấp tín dụng nêu trên còn có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Ngân hàng với Công ty và/hoặc với bên thứ ba trước và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	VND		VND		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	
Tại 01/01/2018	109.970.000.000	1.796.212.042	11.994.125.522	123.760.337.563	
- Lợi nhuận trong năm	-	2.320.189.980	123.906.428	2.444.096.408	
- Góp vốn trong năm	10.030.000.000	-	-	10.030.000.000	
Tại 31/12/2018	120.000.000.000	4.116.402.022	12.118.031.950	136.234.433.971	
Tại 01/01/2019	120.000.000.000	4.116.402.022	12.118.031.950	136.234.433.971	
- Lợi nhuận trong năm	-	3.636.751.696	72.456.943	3.709.208.639	
Tại 31/12/2019	120.000.000.000	7.753.153.718	12.190.488.892	139.943.642.610	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
- Ông Đặng Đức Thành	26,6%	31.930.000.000	26,6%	31.930.000.000
- Bà Lâm Thị Diệu Hương	4,4%	5.230.000.000	6,3%	7.530.000.000
- Bà Trần Thị Hải Yến	4,7%	5.610.000.000	4,7%	5.610.000.000
- Ông Cổ Đức Trọng	4,4%	5.300.000.000	4,4%	5.300.000.000
- Bà Phan Thị Nhiều	4,0%	4.800.000.000	4,0%	4.800.000.000
- Bà Đặng Bích Hồng	3,4%	4.100.000.000	3,4%	4.100.000.000
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	30,0%	36.000.000.000	30,0%	36.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	4,2%	5.000.000.000	4,2%	5.000.000.000
- Các cổ đông khác	18,4%	22.030.000.000	16,4%	19.730.000.000
Cộng	100	120.000.000.000	100	120.000.000.000

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	109.970.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	10.030.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

22.5 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2019 CP	Tại 01/01/2019 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu	66.023.164.671	21.170.660.859
- Doanh thu bán hàng hóa	41.250.225.980	16.058.639.126
- Doanh thu nhượng quyền thuê sạp	20.280.745.455	-
- Doanh thu cho thuê sạp, mặt bằng	4.492.193.236	5.112.021.733
Doanh thu với các bên liên quan	19.599.947.074	4.232.068.520
- Công ty CP Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	19.487.694.546	3.329.485.608
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	-	830.830.004
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	112.252.528	71.752.908

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.503.400.000
Trong đó:		
+ Hàng bán bị trả lại	-	1.503.400.000

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa	35.229.783.874	5.925.698.125
Giá vốn nhượng quyền thuê sạp	15.481.972.809	-
Giá vốn cho thuê sạp, mặt bằng	1.888.105.456	1.053.669.936
Cộng	52.599.862.139	6.979.368.061

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.693.236	7.513.124
Lãi chuyển nhượng cổ phần	4.171.500.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	17.733.121
Cộng	4.176.193.236	25.246.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	2.592.973.128	1.284.326.471
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	108.193.600	-
Lỗ do bán cổ phiếu	190.225.767	-
Chi phí khác	-	27.320.516
Cộng	2.891.392.495	1.311.646.987

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	2.808.098.125	2.742.889.962
- Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp	-	149.986.333
- Chi phí đồ dùng, vật liệu	325.410.740	205.419.037
- Chi phí khấu hao TSCĐ	16.375.908	16.375.908
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.494.213	87.267.014
- Chi phí bằng tiền khác	2.413.817.264	2.283.841.670
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	6.673.183.191	5.707.002.033
- Chi phí nhân viên quản lý	4.454.637.824	4.109.525.584
- Chi phí đồ dùng văn phòng	117.987.624	111.577.565
- Chi phí khấu hao TSCĐ	273.186.732	218.749.232
- Chi phí dự phòng	234.450	25.281.300
- Thuế, phí và lệ phí	26.769.625	18.201.111
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	346.660.521	188.817.591
- Chi phí bằng tiền khác	1.453.706.415	1.034.849.650
<i>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	-	-

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập từ tiền hỗ trợ	195.000.000	40.000.000
Các khoản khác	52.167	200.000.000
Cộng	195.052.167	240.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Phạt vi phạm hành chính	1.949.387	900.528
Chi Quỹ CLB Doanh nghiệp Bến Tre - Hồ Chí Minh	100.011.000	-
Chi phí cộng tác xây dựng thương hiệu Green+	190.966.500	-
Phân bổ chi phí nguyên vật liệu	99.333.324	-
Chi phí ủng hộ Quỹ thanh niên Việt Nam tại Mỹ	-	63.333.330
Chi phí khấu hao quyền sử dụng đất	59.996.160	59.996.160
Chi phí khác	157.741.866	9.254.400
Cộng	609.998.237	133.484.418

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.811.875.887	3.058.115.643
Các khoản điều chỉnh tăng	701.460.349	173.758.879
- Chi phí không được trừ	627.917.376	101.264.765
- Phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	1.949.387	900.528
- Lợi thế thương mại	71.593.586	71.593.586
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	5.513.336.236	3.231.874.522
Chuyển lỗ các năm trước	-	(161.778.348)
Tổng thu nhập tính thuế	5.513.336.236	3.070.096.174
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.102.667.248	614.019.235

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.022.250.129	7.230.308.956
Chi phí nhân công	6.891.655.562	5.076.317.917
Khấu hao tài sản cố định	1.646.408.796	1.696.887.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.206.548.863	1.108.289.490
Chi phí bằng tiền khác	3.901.961.894	3.430.939.502
Cộng	30.668.825.244	18.542.743.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.636.751.696	2.320.189.980
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	12.000.000	11.614.504
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<u>303</u>	<u>200</u>

34. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.636.751.696	2.320.189.980
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	12.000.000	11.614.504
Số cổ phiếu dự kiến phát hành thêm trong tương lai (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	<u>303</u>	<u>200</u>

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THẢO DƯƠNG XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***35. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty:

Năm 2019	Lâm đồng	TP Hồ Chí Minh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bến Tre	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.537.272	3.720.362.219	-	62.292.265.180	66.023.164.671
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.537.272	3.720.362.219	-	62.292.265.180	66.023.164.671
Giá vốn bộ phận	(7.273.154)	(2.143.666.786)	-	(50.448.922.199)	(52.599.862.139)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.264.118	1.576.695.433	-	11.843.342.981	13.423.302.532
Các chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp theo bộ phận	-	-	-	-	(9.481.281.316)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	3.942.021.216
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	4.176.193.236
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(2.891.392.495)
Thu nhập khác	-	-	-	-	195.052.167
Chi phí khác	-	-	-	-	(609.998.237)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(1.102.667.248)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	3.709.208.639
Tổng tài sản	-	-	-	-	163.203.514.407
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	23.259.871.796

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***35. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty (tiếp):

Năm 2018	Lâm Đồng	TP Hồ Chí Minh	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bến Tre	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.729.072	15.462.305.645	14.909.636	5.683.716.506	21.170.660.859
Giảm trừ doanh thu	-	(1.503.400.000)	-	-	(1.503.400.000)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.729.072	13.958.905.645	14.909.636	5.683.716.506	19.667.260.859
Giá vốn bộ phận	(9.284.061)	(6.009.601.513)	(11.761.875)	(948.720.612)	(6.979.368.061)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	445.011	7.949.304.132	3.147.761	4.734.995.894	12.687.892.798
Các chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp theo bộ phận	-	-	-	-	(8.449.891.995)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	4.238.000.803
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	25.246.245
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(1.311.646.987)
Thu nhập khác	-	-	-	-	240.000.000
Chi phí khác	-	-	-	-	(133.484.418)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(614.019.235)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	2.444.096.408
Tổng tài sản	-	-	-	-	165.110.531.859
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	28.876.097.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

36.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

36.2 CÁC KHOẢN CAM KẾT

Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty CP Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức thuê 45 ô vừa có tổng diện tích 488,30 m² tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053. Trong năm 2019 Công ty đã chuyển nhượng 30 quyền thuê ô vừa với tổng diện tích 303 m². Tại thời điểm 31/12/2019, số dư chi phí trả trước tương ứng với 15 ô vừa với tổng diện tích là 185,30 m².

36.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Như được nêu tại mục 9d của Thuyết minh Báo cáo tài chính: theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/BBH/HĐQT-2020 ngày 04/05/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Linh Chi Vi Na đã quyết định ngừng thực hiện dự án trại nấm tại Khu nông nghiệp Công nghệ cao Tp.HCM và đến ngày 10/06/2020 Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản tạm ứng này.

Ngoài ra, Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

36.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

36.5 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	Cổ đông
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	Cổ đông
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	Công ty nhận đầu tư
- Ông Đặng Đức Thành	Cổ đông, Chủ tịch HĐQT
- Bà Lâm Thị Diệu Hương	Cổ đông, Thành viên HĐQT
- Ông Lê Đình Phong	Cổ đông
- Ông Phạm Văn Sơn	Giao dịch lớn

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	19.599.947.074	4.232.068.520
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	19.487.694.546	3.329.485.608
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	-	830.830.004
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	112.252.528	71.752.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.5 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua TSCĐ, hàng hóa, dịch vụ	627.436.727	6.816.503.727
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	627.436.727	316.503.727
- Ông Đặng Đức Thành	-	3.700.000.000
- Bà Lâm Thị Diệu Hương	-	2.800.000.000
<u>Số dư với các bên liên quan</u>	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Các khoản phải thu khách hàng	81.805.200	640.728.024
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	26.858.700	272.218.500
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	-	326.659.524
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	54.946.500	41.850.000
Các khoản phải thu khác	19.450.000.000	19.000.000.000
- Ông Lê Đình Phong	-	19.000.000.000
- Ông Phạm Văn Sơn	19.450.000.000	-
<u>Thu nhập của ban Giám đốc</u>	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Tổng thu nhập Ban Giám đốc	900.000.000	630.000.000



36.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Bến Tre, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành